

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: G9, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 8542209 Fax: 043 8545845

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
Cho năm tài chính 2012
Kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số: 3 ngõ 1295 - Giải Phóng - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (84 43) 974 50 81/82 Fax: (84 43) 974 50 83

Hà Nội, tháng 05 năm 2013

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012	08 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính 2012	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2012	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012	12 - 29
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định	30
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	31
Phụ lục 03 - Bảng xác định Lợi ích của cổ đông thiểu số	32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|----------|
| • Ông Trịnh Văn Thới | Chủ tịch |
| • Ông Phạm Văn Hùng | Ủy viên |
| • Ông Nguyễn Văn Thắng | Ủy viên |
| • Ông Phạm Anh Đức | Ủy viên |
| • Nguyễn Đại Thụ | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| • Ông Phạm Văn Hùng | Tổng Giám đốc |
| • Ông Đỗ Duy Tháp | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà Lê Thị Thiên Kim | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Đại Thụ | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đỗ Sơn Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phạm Văn Tích | Phó Tổng Giám đốc |

Khái quát về Công ty:

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105454 đăng ký lần đầu ngày 23/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 11 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 19/09/2012. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: **26.097.100.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ không trăm bảy mươi triệu một trăm nghìn đồng).**

Lĩnh vực kinh doanh: Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị cơ khí trong công trình, lĩnh vực: lắp thiết bị công trình; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, công trình ngầm và mỏ; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị đến nhóm A (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh); Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân; Khoan nổ ngầm và hớ các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất

và mua bán điện thương phẩm; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thuỷ lợi, công trình hạ tầng đô thị; Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thuỷ lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến thế tới cấp điện áp đến 500KV; Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông công trình thuỷ lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ; Thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ; Thiết kế công trình thuỷ lợi; Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp; Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố các công trình xây dựng, khoan phun và xử lý nền móng các công trình xây dựng; Trang trí nội thất; Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Tư vấn hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thiết kế điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kết cấu đối với: công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị; Thiết kế nhà máy thuỷ điện; Thiết kế các công trình thuỷ công, thuỷ điện; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với: công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thí nghiệm để xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, nền móng và vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thuỷ văn các công trình; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất nước đá; Kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết đóng chai, nước khoáng phục vụ sinh hoạt và công nghiệp; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt (chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông và thạch cao; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại.

Công ty có trụ sở tại: G9, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Đến thời điểm 31/12/2012, cơ cấu Công ty gồm có 08 Chi nhánh trực thuộc và 01 Công ty con:

Khái quát về Chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà, địa chỉ: Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng, địa chỉ: Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Tư vấn 3, địa chỉ: Tầng 5, nhà G9, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Tư vấn 2 - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Tầng 4, Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Tư vấn 1 - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Cơ điện - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Dân dụng và Công nghiệp - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Chi nhánh Tây Bắc, địa chỉ: Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La.

Khái quát về Công ty con:

- Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada là Công ty Liên doanh được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 25 năm theo Giấy phép thành lập số 260/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2004. Đăng ký lại doanh nghiệp và Dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư số 260/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2004, chứng nhận lần đầu số 011022000135 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/05/2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 19/08/2010.

Trụ sở chính: Nhà G10 số 493, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 51%.

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này từ trang 08 đến trang 32.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuận;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2012;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

PHẠM VĂN HÙNG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Hà nội, ngày 10 tháng 5 năm 2013

Số: 155/CPAHanoi-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012 CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là: Công ty), bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất như đã trình bày từ trang 08 đến trang 32 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được lập ngày 20/02/2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 đến trang 05, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là dựa trên kết quả kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập về các Báo cáo tài chính hợp nhất và sau đó báo cáo với Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2012;
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Báo cáo Kiểm toán này thay thế cho Báo cáo Kiểm toán số 64/CPAHanoi - BCKT ngày 25 tháng 3 năm 2013. Lý do thay đổi báo cáo là do sơ suất trong khâu phát hành Báo cáo Kiểm toán, cụ thể: trong Báo cáo kiểm toán cũ đoạn ghi ý kiến của Kiểm toán viên có nêu “ý kiến ngoại trừ các giới hạn kiểm toán trên” thực tế không có giới hạn phạm vi kiểm toán đối với đơn vị. Các số liệu trên Báo cáo tài chính kèm theo Báo cáo Kiểm toán mới không thay đổi.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)

Kiểm toán viên

Tổng Giám đốc

Lê Văn Dò

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0231/KTV

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		167.858.697.917	163.440.978.103
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.776.354.580	10.149.067.033
1	Tiền	111	V.1	4.776.354.580	10.149.067.033
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.493.259.022	113.664.991.203
1	Phải thu khách hàng	131	V.2	109.444.957.363	109.114.006.890
2	Trả trước cho người bán	132	V.3	861.429.056	1.138.738.825
3	Các khoản phải thu khác	138	V.4	10.261.147.848	3.596.077.248
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.5	(1.074.275.245)	(183.831.760)
IV	Hàng tồn kho	140		37.525.402.149	34.903.131.524
1	Hàng tồn kho	141	V.6	37.525.402.149	34.903.131.524
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		6.063.682.166	4.723.788.343
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	6.063.682.166	4.723.788.343
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270)	200		34.263.245.497	34.428.805.401
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		2.719.048.031	3.070.965.538
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.719.048.031	3.053.965.538
	- Nguyên giá	222		27.340.828.861	27.065.891.912
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24.621.780.830)	(24.011.926.374)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
	- Nguyên giá	228		473.457.150	473.457.150
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(473.457.150)	(473.457.150)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	-	17.000.000
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31.400.000.003	30.900.000.003
1	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	31.400.000.003	30.900.000.003
V	Lợi thế thương mại	260		-	167.191.731
VI	Tài sản dài hạn khác	270		144.197.463	290.648.129
1	Chi phí trả trước dài hạn	271	V.12	144.197.463	290.648.129
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		202.121.943.414	197.869.783.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		149.927.501.763	145.667.875.518
I	Nợ ngắn hạn	310		149.249.734.444	141.419.332.692
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	6.253.572.000	2.492.624.472
2	Phải trả người bán	312	V.14	58.917.934.235	49.627.348.424
3	Người mua trả tiền trước	313	V.15	24.028.901.737	25.045.238.231
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	9.213.803.064	3.369.980.122
5	Phải trả công nhân viên	315	V.17	28.081.669.934	29.102.351.269
6	Chi phí phải trả	316	V.18	1.265.802.337	10.583.025.275
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	20.523.248.501	19.867.029.553
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		964.802.636	1.331.735.346
II	Nợ dài hạn	330		677.767.319	4.248.542.826
1	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	207.730.000	1.864.109.000
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	2.384.433.826
3	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		470.037.319	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430 + 439)	400		49.731.169.641	49.560.037.046
I	Vốn chủ sở hữu	410		49.731.169.641	49.560.037.046
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	26.097.100.000	21.750.000.000
2	Vốn khác của chủ sở hữu	412	V.21	8.502.618.712	11.876.276.463
3	Cổ phiếu ngân quỹ (*)	413	V.21	(620.000)	(620.000)
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	V.21	-	49.967.352
5	Quỹ đầu tư phát triển	416	V.21	8.705.997.494	8.189.712.028
6	Quỹ dự phòng tài chính	417	V.21	2.294.699.564	2.026.762.458
7	Lợi nhuận chưa phân phối	419	V.21	4.131.373.871	5.667.938.745
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	PL3	2.463.272.010	2.641.870.940
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+430)	440		202.121.943.414	197.869.783.504

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.22	105.672.876.377	113.512.734.056
2	Các khoản giảm trừ	3	VI.23	224.052.227	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.24	105.448.824.150	113.512.734.056
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.25	90.147.253.661	93.679.412.349
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.301.570.489	19.833.321.707
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	151.570.399	551.079.739
7	Chi phí tài chính	22	VI.27	2.040.361.139	1.826.873.683
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.886.423.774</i>	<i>1.826.873.683</i>
8	Chi phí bán hàng	24		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.28	10.091.708.970	11.181.873.557
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.321.070.779	7.375.654.206
11	Thu nhập khác	31	VI.29	5.468.114.475	4.774.486.312
12	Chi phí khác	32	VI.30	2.619.357.871	4.742.165.998
13	Lợi nhuận khác	40		2.848.756.604	32.320.314
14	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	45		-	-
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.169.827.383	7.407.974.520
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	2.252.459.487	1.770.133.321
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.917.367.896	5.637.841.199
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(183.308.290)	2.656.339
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		4.100.676.186	5.635.184.860
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.32	1.610	2.591

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	80.611.599.919	105.371.704.195
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(11.037.644.641)	(12.350.134.716)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3	(37.235.396.279)	(46.063.062.367)
4	Tiền chi trả lãi vay	4	(1.886.423.774)	(1.451.231.536)
5	Tiền chi nộp thuế	5	(574.891.848)	(2.008.757.657)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	122.660.453	2.590.616.312
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(29.847.419.983)	(50.049.398.594)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	152.483.847	(3.960.264.363)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.033.163.635)	(1.099.978.429)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	185.840.000	55.973.182
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.034.044.240)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	419.250.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lợi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	101.566.882	600.901.151
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.779.800.993)	(23.854.096)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đó phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.612.654.000	15.058.846.159
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.358.085.472)	(8.788.460.000)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.824.176.320)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.254.568.528	2.446.209.839
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(5.372.748.618)	(1.537.908.620)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.149.067.033	11.656.293.251
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	36.165	30.682.402
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	4.776.354.580	10.149.067.033

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105454 đăng ký lần đầu ngày 23/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 11 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 19/09/2012. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: **26.097.100.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ không trăm bảy mươi triệu một trăm nghìn đồng).**

Công ty có trụ sở tại: G9, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị cơ khí trong công trình, lĩnh vực: lắp thiết bị công trình; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, công trình ngầm và mỏ; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị đến nhóm A (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh); Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân; Khoan nổ ngầm và hờ các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán điện thương phẩm; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị; Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến thế tới cấp điện áp đến 500KV; Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ; Thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ; Thiết kế công trình thủy lợi; Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp; Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố các công trình xây dựng, khoan phun và xử lý nền móng các công trình xây dựng; Trang trí nội thất; Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Tư vấn hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thiết kế điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kết cấu đối với: công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị; Thiết kế nhà máy thủy điện; Thiết kế các công trình thủy công, thủy điện;

Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với: công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thí nghiệm để xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, nền móng và vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn các công trình; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất nước đá; Kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết đóng chai, nước khoáng phục vụ sinh hoạt và công nghiệp; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt (chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông và thạch cao; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại.

Đến thời điểm 31/12/2012, cơ cấu Công ty gồm có 08 Chi nhánh trực thuộc và 01 Công ty con:

Khái quát về Chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà, địa chỉ: Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng, địa chỉ: Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Tư vấn 3, địa chỉ: Tầng 5, nhà G9, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Tư vấn 2 - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Tầng 4, Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Tư vấn 1 - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Cơ điện - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Dân dụng và Công nghiệp - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Chi nhánh Tây Bắc, địa chỉ: Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La.

Khái quát về Công ty con:

- Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada là Công ty Liên doanh được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 25 năm theo Giấy phép thành lập số 260/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2004. Đăng ký lại doanh nghiệp và Dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư số 260/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2004, chứng nhận lần đầu số 011022000135 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/05/2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 19/08/2010.

Trụ sở chính: Nhà G10 số 493, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 51%.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

1. Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
- Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- ✚ Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do không đúng quy cách, phẩm chất;
- ✚ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- ✚ Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- ✚ Chi phí bán hàng;
- ✚ Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác:

- **Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính.

6. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định:

- **Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được hạch toán theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- **Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư dài hạn khác: Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà.

8. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư XD CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.
- Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư XD CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức và phương pháp phân bổ hợp lý.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Các nghĩa vụ về thuế:

- **Thuế thu nhập giá trị gia tăng:**

Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế thành phố Hà Nội . Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định của luật thuế hiện hành.

- **Các loại thuế khác:**

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu và các quỹ:

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm: doanh thu tư vấn giám sát, thiết kế, thí nghiệm xây dựng và doanh thu hoạt động tài chính.

- **Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể :

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).
- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ, tỷ lệ doanh thu ghi nhận trong kỳ với sản lượng dở dang đầu kỳ cộng sản lượng thực hiện trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	186.201.183	39.177.768
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	<i>178.026.848</i>	<i>36.730.108</i>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	168.990.289	31.166.822
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	4.175.628	4.216.455
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	4.860.931	1.346.831
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	<i>8.174.335</i>	<i>2.447.660</i>
Tiền gửi ngân hàng	4.590.153.397	10.109.889.265
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	<i>4.170.850.764</i>	<i>9.284.592.792</i>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	3.423.344.228	7.801.000.633
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	747.506.536	1.483.592.159
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	<i>419.302.633</i>	<i>825.296.473</i>
Cộng	<u>4.776.354.580</u>	<u>10.149.067.033</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	<i>108.794.765.828</i>	<i>108.155.607.963</i>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	59.423.771.020	60.714.569.275
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	21.215.507.731	19.196.487.335
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	28.155.487.077	28.244.551.353
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	<i>650.191.535</i>	<i>958.398.927</i>
Cộng	<u>109.444.957.363</u>	<u>109.114.006.890</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	<i>839.917.001</i>	<i>921.533.825</i>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	703.435.001	843.533.825
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	136.482.000	78.000.000
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	<i>21.512.055</i>	<i>217.205.000</i>
Cộng	<u>861.429.056</u>	<u>1.138.738.825</u>

4. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	<i>10.247.379.251</i>	<i>3.580.077.248</i>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	9.850.559.687	3.241.613.040
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	298.585.708	277.295.077
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	98.233.856	61.169.131
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	<i>13.768.597</i>	<i>16.000.000</i>
Cộng	<u>10.261.147.848</u>	<u>3.596.077.248</u>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	1.074.275.245	183.831.760
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	477.039.104	-
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	465.040.356	51.635.975
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	132.195.785	132.195.785
Cộng	1.074.275.245	183.831.760

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.382.203	11.745.084
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.517.019.946	34.891.386.440
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	37.525.402.149	34.903.131.524

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	6.056.234.166	4.720.647.133
<i>Tạm ứng</i>	5.268.508.049	3.943.810.301
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	3.904.877.199	3.031.822.448
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	292.978.611	353.153.028
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	1.070.652.239	558.834.825
<i>Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	787.726.117	776.836.832
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	787.726.117	776.836.832
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	7.448.000	3.141.210
Cộng	6.063.682.166	4.723.788.343

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình <phụ lục 01>**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Nhân hiệu hàng hoá	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	396.300.864	77.156.286	473.457.150
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	396.300.864	77.156.286	473.457.150
Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	396.300.864	77.156.286	473.457.150
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	396.300.864	77.156.286	473.457.150
Giá trị còn lại			
<i>Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-
<i>Tại ngày cuối năm</i>	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	17.000.000
Máy móc thiết bị thí nghiệm & các loại tài sản khác	-	17.000.000
Cộng	-	17.000.000

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	27.000.000.000	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.003	1.500.000.003
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	500.000.000	-
Cộng	31.400.000.003	30.900.000.003

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	137.427.768	247.945.680
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	121.750.495	213.617.499
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	15.677.273	34.328.181
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	6.769.695	42.702.449
Cộng	144.197.463	290.648.129

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	6.253.572.000	2.492.624.472
<i>Ngân hàng Công thương Thanh xuân</i>	6.091.572.000	2.492.624.472
<i>Vay vốn các cá nhân</i>	162.000.000	-
Dương Phương Nhung	35.000.000	-
Phạm Thị Hoa	57.000.000	-
Bùi Thị Hồng Thuận (QLKT)	70.000.000	-
Cộng	6.253.572.000	2.492.624.472

Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Thanh Xuân được thể hiện theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn, cụ thể:

Diễn giải	Nợ gốc còn lại (đ)	Lãi suất	Hạn trả
Hợp đồng 01/2012/HĐTĐ -NH/TVSD ngày 26/04/2012	6.091.572.000	14%/ năm	03-06-2013
Cộng	6.091.572.000		

Tài sản thế chấp của các hợp đồng tín dụng ngắn hạn trên là vay tín chấp và thế chấp doanh thu từ các công trình. Biện pháp bổ sung tài sản thế chấp sổ đỏ nhà G9.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

Vay ngắn hạn các cá nhân được thể hiện theo từng hợp đồng tín dụng, lãi suất được xác định theo từng thời kỳ và tài sản thế chấp là tín chấp.

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	58.384.654.388	49.063.730.237
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	51.872.448.987	42.942.603.680
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	1.426.303.004	1.653.123.754
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	5.085.902.397	4.468.002.803
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	533.279.847	563.618.187
Cộng	58.917.934.235	49.627.348.424

15. Người mua trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	21.981.749.530	22.833.623.757
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	16.212.496.904	15.793.099.092
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	2.901.556.305	3.166.864.272
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	2.867.696.321	3.873.660.393
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	2.047.152.207	2.211.614.474
Cộng	24.028.901.737	25.045.238.231

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	4.652.879.249	2.661.582.946
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.156.100.157	574.891.848
Thuế thu nhập cá nhân	461.008.084	133.505.328
Các loại thuế khác	1.943.815.574	-
Cộng	9.213.803.064	3.369.980.122

17. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	27.950.078.235	28.807.692.107
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	10.495.322.479	13.785.143.056
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	11.690.159.329	9.641.639.992
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	5.764.596.427	5.380.909.059
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	131.591.699	294.659.162
Cộng	28.081.669.934	29.102.351.269

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	753.320.227	8.968.772.395
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	159.513.004	8.968.772.395
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	593.807.223	-
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	512.482.110	1.614.252.880
Cộng	1.265.802.337	10.583.025.275

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.297.756.588	1.557.432.458
Bảo hiểm xã hội	1.734.317.973	548.317.765
Phải trả, phải nộp khác	17.301.586.877	17.728.728.728
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	<i>16.368.645.039</i>	<i>16.945.786.890</i>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	13.097.395.825	14.849.682.503
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	660.626.513	118.707.132
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	2.610.622.701	1.977.397.255
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	<i>932.941.838</i>	<i>782.941.838</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	189.587.063	32.550.602
Cộng	20.523.248.501	19.867.029.553

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	207.730.000	1.864.109.000
Ngân hàng Công thương Thanh xuân	207.730.000	1.864.109.000
Cộng	207.730.000	1.864.109.000

Vay dài hạn Ngân hàng Công thương Thanh Xuân được thể hiện theo từng hợp đồng tín dụng dài hạn, cụ thể:

Diễn giải	Nợ gốc còn lại (đ)	Lãi suất	Hạn trả
Hợp đồng số 01/2010/HĐTDTL/TVSD ngày 30/3/2010	207.730.000	14,5%/ năm	02-04-2013
Cộng	207.730.000		

Tài sản thế chấp của hợp đồng tín dụng là xe ô tô Camry.

21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <phụ lục 02>****21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà	51%	13.309.520.000	11.092.500.000
Cổ đông khác	49%	12.787.580.000	10.657.500.000
Cộng		26.097.100.000	21.750.000.000

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	21.750.000.000	21.750.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	4.347.100.000	
- Vốn góp giảm trong kỳ		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

- Vốn góp cuối kỳ	26.097.100.000	21.750.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
21.4 Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.609.710	2.175.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	2.609.710	2.175.000
Cổ phiếu phổ thông:	2.609.710	2.175.000
Cổ phiếu ưu đãi:		
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	62	62
Cổ phiếu phổ thông:	62	62
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	2.609.648	2.174.938
Cổ phiếu phổ thông:	2.609.648	2.174.938
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		
21.5 Các quỹ của doanh nghiệp		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	8.705.997.494	8.189.712.028
Quỹ dự phòng tài chính	2.294.699.564	2.026.762.458
Cộng	11.000.697.058	10.216.474.486
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
		<i>Đơn vị tính: đồng</i>
22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.672.876.377	113.512.734.056
Cộng	105.672.876.377	113.512.734.056
23. Các khoản giảm trừ		
	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	224.052.227	-
Cộng	224.052.227	-
24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.448.824.150	113.512.734.056
Cộng	105.448.824.150	113.512.734.056
25. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	90.147.253.661	93.679.412.349
Cộng	90.147.253.661	93.679.412.349

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	101.566.882	551.079.739
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	50.003.517	-
Cộng	151.570.399	551.079.739

27. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.886.423.774	1.767.944.823
Chi phí tài chính khác	153.937.365	58.928.860
Cộng	2.040.361.139	1.826.873.683

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	<i>9.678.715.879</i>	<i>10.822.404.938</i>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	4.087.926.127	5.464.562.530
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	3.532.020.378	3.052.213.453
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	2.058.769.374	2.305.628.955
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada</i>	<i>412.993.091</i>	<i>359.468.619</i>
Cộng	10.091.708.970	11.181.873.557

29. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền đào tạo	43.527.403	25.890.047
Thu nhập khác	50.796.183	-
Phụ phí các đơn vị trực thuộc	5.373.590.889	-
Thu thanh lý tài sản cố định	200.000	5.973.182
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	-	91.699.615
Nhượng bán nhà máy nước	-	4.650.923.468
Cộng	5.468.114.475	4.774.486.312

30. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	531.960.000	115.300.000
Chi phạt chậm nộp thuế	2.077.397.871	-
Chi phí khác	10.000.000	-
Giá trị còn lại của nhà máy nước	-	4.625.104.893
Chi phí tài sản cố định khác	-	1.761.105
Cộng	2.619.357.871	4.742.165.998

31. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.169.827.383	7.407.974.520

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

2. Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế (2 = a - b - c)	(2.486.094.408)	(327.441.234)
<i>a. Điều chỉnh tăng</i>	2.625.844.557	15.400.000
<i>b. Điều chỉnh giảm</i>	5.486.024.128	342.841.234
<i>c. Lãi, lỗ tại công ty con</i>	(374.085.163)	-
3. Tổng lợi nhuận chịu thuế (3 = 1 + 2)	3.683.732.975	7.080.533.286
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (4 = 3*25%)	920.933.244	1.770.133.321
5. Số thuế TNDN còn phải nộp theo Biên bản quyết toán thuế	1.331.526.243	-
6. Thuế TNDN phải nộp (6 = 4 + 5)	2.252.459.487	1.770.133.321

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ	4.100.676.186	5.635.184.860
Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	2.174.938	2.174.938
Số cổ phiếu phát hành thêm (bắt đầu lưu hành từ 23/02/2012)	434.710	-
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	2.546.526	2.174.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.610	2.591

VIII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ trừ đi cổ phiếu quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	4.776.354.580	4.776.354.580
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	120.567.534.267	119.493.259.022

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư ngày 31/12/2012

Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	6.461.302.000
Phải trả người bán	58.917.934.235

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của công ty tại ngày 31/12/2012:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	58.917.934.235	-	58.917.934.235
Vay ngắn hạn	6.253.572.000	-	6.253.572.000
Vay dài hạn	-	207.730.000	207.730.000

1.4 Tài sản đảm bảo

Xem chi tiết phần thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn.

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	Năm nay
Vay ngân hàng trả lương cho người lao động	377.900.000

Thu lãi tiền cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia của Công ty là khoản lãi của tiền gửi ngân hàng và khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện.

3. Phân tích sơ bộ một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty:

3.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	83,05	82,60
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	16,95	17,40
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	74,18	73,62
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	24,60	25,05
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,35	1,36

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012

(tiếp theo)

2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,12	1,16
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,03	0,07
		Năm nay	Năm trước
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	5,84	6,53
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	3,71	4,97
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3,05	3,74
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,94	2,85
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	7,88	11,37

3.2 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K.

3.3 Thông tin khác

Quyết toán thuế Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các Quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau, vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quy định của Cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại: 043 8542209 Fax: 043 8545855

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính 2012

Phu lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ						
1 Số dư đầu năm	5.788.013.550	11.496.277.497	9.016.067.701	724.978.619	40.554.545	27.065.891.912
2 Số tăng trong năm	-	890.672.726	-	11.363.636	-	902.036.362
- <i>Xây dựng mới</i>	-	890.672.726	-	11.363.636	-	902.036.362
- <i>Xây dựng mới</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-	-
3 Số giảm trong năm	-	345.924.663	126.602.207	154.572.543	-	627.099.413
- <i>Thanh lý</i>	-	345.924.663	126.602.207	154.572.543	-	627.099.413
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
4 Số cuối năm	5.788.013.550	12.041.025.560	8.889.465.494	581.769.712	40.554.545	27.340.828.861
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số đầu năm	5.788.013.550	9.574.893.227	7.978.324.653	641.834.948	28.859.996	24.011.926.374
2 Khấu hao trong năm	-	903.764.789	260.980.996	72.208.084	-	1.236.953.869
- <i>Trích trong năm</i>	-	903.764.789	260.980.996	72.208.084	-	1.236.953.869
- <i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-	-
3 Giảm trong năm	-	345.924.663	126.602.207	154.572.543	-	627.099.413
- <i>Thanh lý</i>	-	345.924.663	126.602.207	154.572.543	-	627.099.413
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
4 Số cuối năm	5.788.013.550	10.132.733.353	8.112.703.442	559.470.489	28.859.996	24.621.780.830
III Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	-	1.921.384.270	1.037.743.048	83.143.671	11.694.549	3.053.965.538
2 Tại ngày cuối năm	-	1.908.292.207	776.762.052	22.299.223	11.694.549	2.719.048.031

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại: 043 8542209 Fax: 043 8545855

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính 2012

Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước								
1. Số dư đầu năm	21.750.000.000	8.502.618.712	(620.000)	34.759.950	8.293.419.431	1.476.505.990	9.760.816.165	49.817.500.248
- Tăng vốn trong năm trước	-	3.373.657.751	-	-	-	-	-	3.373.657.751
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	5.635.184.860	5.635.184.860
- Tăng khác	-	-	-	49.967.352	3.269.950.348	550.256.468	-	3.870.174.168
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(34.759.950)	(3.373.657.751)	-	(9.728.062.280)	(13.136.479.981)
4. Số cuối năm	21.750.000.000	11.876.276.463	(620.000)	49.967.352	8.189.712.028	2.026.762.458	5.667.938.745	49.560.037.046
Năm nay								
1. Số đầu năm	21.750.000.000	11.876.276.463	(620.000)	49.967.352	8.189.712.028	2.026.762.458	5.667.938.745	49.560.037.046
- Tăng vốn trong năm nay	4.347.100.000	-	-	-	-	-	-	4.347.100.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	3.917.367.896	3.917.367.896
- Tăng khác	-	-	-	-	4.863.385.466	267.937.106	178.598.930	5.309.921.502
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(3.373.657.751)	-	(49.967.352)	(4.347.100.000)	-	(5.632.531.700)	(13.403.256.803)
4. Số cuối năm	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	-	8.705.997.494	2.294.699.564	4.131.373.871	49.731.169.641

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Phu lục số 03: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông thiểu số

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Lợi ích của cổ đông thiểu số
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	4.740.163.000	2.417.400.000	2.322.763.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	478.638.689	244.097.337	234.541.352
3	Quỹ dự phòng tài chính	121.995.685	62.215.660	59.780.025
4	Lợi nhuận chưa phân phối	(313.891.555)	(160.079.188)	(153.812.367)
	Cộng	5.026.905.819	2.563.633.809	2.463.272.010